

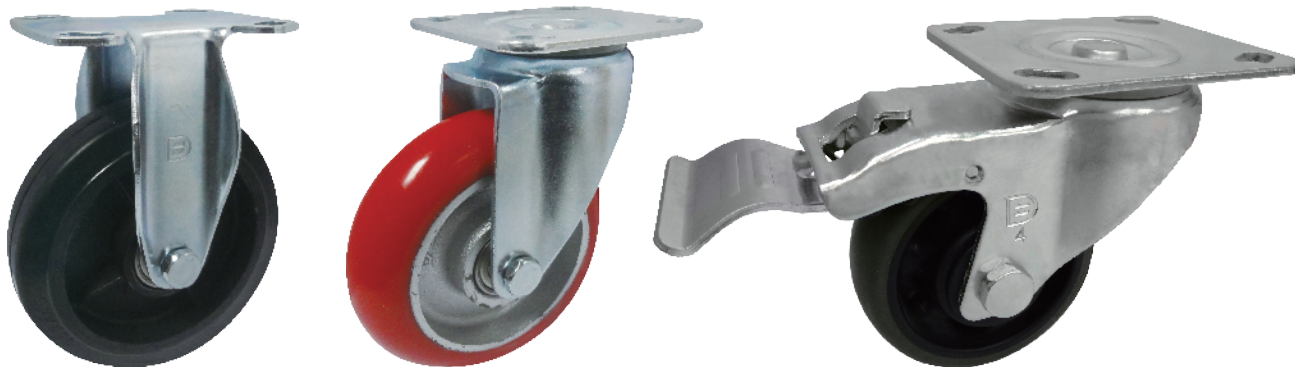
**1151****Series**

Tải nặng vừa

SERIES 51 TẤM LẮP CÀNG KIỂU D**51 D型底板系列**

- Cấu tạo càng bánh được thiết kế đặc biệt, giúp tăng khả năng tải trọng. Tấm lắp dày 3.5mm, xoay chuyển linh hoạt, có khóa kép, thích hợp cho xe đẩy tải trọng nặng và vừa.
- 腳架採特別結構設計，特高荷重、3.5mm板，轉動靈活，雙煞制動，適用於中、重型台車

Tải trọng 載重
140-450 kg



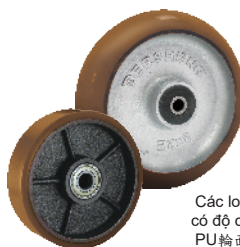
» Đặc điểm 特色區



Khóa kép (Bàn đạp lớn)
(Loại tiêu chuẩn)
雙煞 (超大踏板) (常規)



Khóa kép
(Bàn đạp ngắn)
雙煞 (短踏板)



Các loại bánh xe PU
có độ cứng khác nhau
PU輪面可以變化硬度

» Vật liệu bánh xe 輪子選項

Bánh cao su NBR lõi gang
鐵芯NBR橡膠輪



Bánh PU lõi gang
鐵芯聚氨酯



Bánh cao su lõi gang
三星輪



Bánh cao su
không lẫn vết lõi gang
環保NBR橡膠輪



Bánh W Resolute
W 全效輪



Bánh EPU
EPU輪



Ô bi
滾珠軸承



Bánh Nylon
尼龍輪



Bánh xe gang
銑輪



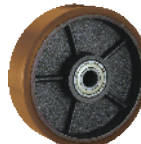
Bánh CPD
CPD輪



Bánh WMRC
WMRC輪



Bánh WCPD
WCPD輪



Bánh QPU
QPU輪



Bánh EQPU
EQPU輪



Bánh QPU lõi nhôm
鋁芯AQPU

» Quy cách tấm lắp 底板規格

Số thứ tự 編號	Kích thước tấm lắp 底板尺寸	Khoảng cách các lỗ lắp 底板孔距	Kích thước bu lông 安裝尼帽尺寸
1	85 x 105 mm (3-5/16" x 4-1/8")	60 x 80 mm 2-3/8"x3-1/4"(European Plate)	8 mm (5/16")
2	95 x 65 mm (3-3/4" x 2-1/2")	75 x 45 mm (3" x 1-3/4")	8 mm (5/16")
3	100 x 115 mm (3-7/8" x 4-1/2")	75 x 80 mm (3" x 3-1/4")	10 mm (3/8")



 Đường kính Bề rộng bánh xe 輪徑 X 輪寬	 Tải trọng 載重	 Vật liệu bánh xe 材質	 Mã sản phẩm 型號			 Ổ lăn bánh xe 軸承	 Tổng chiều cao 總高	 Bán kính xoay 迴旋半徑
			Càng cố định 固定	Càng xoay 活動	Có Phanh/Khóa 剎車			
93mm x 28mm (3-21/32" x 1-3/32")	250 kgs (550 lbs)	Bánh xe gang 銑輪	1151(D)-03-14-1	1151(D)-03-14-2	-	Ổ bi 滾珠	126.5mm (5")	Xoay 86.5mm 活動 86.5mm
100mm x 32mm (4" x 1-1/4")	200 kgs (440 lbs)	Bánh Nylon 尼龍輪	1151(D)-04-07-1	1151(D)-04-07-2	1151(D)-04-07-4	Ổ bi 滾珠	130mm (5-1/16")	Xoay 90mm Khóa 137mm (bàn đạp ngắn) Khóa 160mm (bàn đạp lớn) 活動 90mm 剎車 137mm (短 踏板) 剎車 160mm (超 大踏板)
	150 kgs (330 lbs)	Bánh CPD CPD輪	1151(D)-04-49-1	1151(D)-04-49-2	1151(D)-04-49-4			
100mm x 34mm (4" x 1-1/3")	200 kgs (440 lbs)	Bánh PU lõi gang 鐵芯聚氨酯	1151(D)-04-33-1	1151(D)-04-33-2	1151(D)-04-33-4			
	300 kgs (660 lbs)	Bánh QPU QPU輪	1151(D)-04-80-1	1151(D)-04-80-2	1151(D)-04-80-4			
	150 kgs (330 lbs)	Bánh cao su NBR lõi gang 鐵芯NBR橡膠輪	1151(D)-04-04-1	1151(D)-04-04-2	1151(D)-04-04-4			
100mm x 35mm (4" x 1-1/8")	150 kgs (330 lbs)	Bánh cao su lõi gang 環保NBR橡膠輪	1151(D)-04-11-1	1151(D)-04-11-2	1151(D)-04-11-4			
100mm x 35mm (4" x 1-1/8")	150 kgs (330 lbs)	Bánh cao su lõi gang 三星輪	1151(D)-04-03-1	1151(D)-04-03-2	1151(D)-04-03-4	Ổ bi 滾珠	130mm (5-1/16")	Xoay 90mm Khóa 137mm (bàn đạp ngắn) Khóa 160mm (bàn đạp lớn) 活動 90mm 剎車 137mm (短 踏板) 剎車 160mm (超 大踏板)
100mm x 36mm (4" x 1-7/16")	325 kgs (715 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm (cong) 鋁芯AQPU輪(圓弧)	1151(D)-04-87-1	1151(D)-04-87-2	1151(D)-04-87-4			
100mm x 37.5mm (4" x 1-1/2")	140 kgs (308 lbs)	Bánh W Resolute W 全效輪	1151(D)-04-64-1	1151(D)-04-64-2	1151(D)-04-64-4			
100mm x 40mm (4" x 1-9/16")	350 kgs (770 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm (cong) 鋁芯AQPU輪(圓弧)	1151(D)-04(40)-87-1	1151(D)-04(40)-87-2	1151(D)-04(40)-87-4	Ổ bi 滾珠	130mm (5-1/16")	Xoay 90mm Khóa 137mm (bàn đạp ngắn) Khóa 160mm (bàn đạp lớn) 活動 90mm 剎車 137mm (短 踏板) 剎車 160mm (超 大踏板)
122mm x 36mm (4-13/16" x 1-7/16")	350 kgs (770 lbs)	Bánh xe gang 銑輪	1151(D)-04-14-1	1151(D)-04-14-2	-	Ổ bi 滾珠	153.5mm (6-1/16")	Xoay 101mm 活動 101mm
125mm x 37.5mm (5" x 1-1/2")	160 kgs (350 lbs)	Bánh W Resolute W 全效輪	1151(D)-05-64-1	1151(D)-05-64-2	1151(D)-05-64-4	Ổ bi 滾珠	155mm (6-1/8")	Xoay 103mm Khóa 137mm (bàn đạp ngắn) Khóa 160mm (bàn đạp lớn) 活動 103mm 剎車 137mm (短 踏板) 剎車 160mm (超 大踏板)
125mm x 40mm (5" x 1-9/16")	350 kgs (770 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm (cong) 鋁芯AQPU輪(圓弧)	1151(D)-05-87-1	1151(D)-05-87-2	1151(D)-05-87-4			



 Đường kính Bề rộng bánh xe 輪徑 X 輪寬	 Tải trọng 載重	 Vật liệu bánh xe 材質	 Mã sản phẩm 型號			 Ổ lăn bánh xe 軸承	 Tổng chiều cao 總高	 Bán kính xoay 迴旋半徑
			Càng cố định 固定	Càng xoay 活動	Có Phanh/Khóa 剎車			
125mm x 40mm (5" x 1-9/16")	250 kgs (550 lbs)	Bánh PU lõi gang 鐵芯聚氨酯	1151(D)-05-33-1	1151(D)-05-33-2	1151(D)-05-33-4	Ổ bi 滾珠	155mm (6-1/8")	Xoay 103mm Khóa 137mm (bàn đạp ngắn) Khóa 160mm (bàn đạp lớn) 活動 103mm 剎車 137mm (短 踏板) 剎車 160mm (超 大踏板)
	350 kgs (770 lbs)	Bánh QPU QPU輪	1151(D)-05-80-1	1151(D)-05-80-2	1151(D)-05-80-4			
	250 kgs (550 lbs)	Bánh EPU EPU輪	1151(D)-05-78-1	1151(D)-05-78-2	1151(D)-05-78-4			
	300 kgs (660 lbs)	Bánh EQPU EQPU輪	1151(D)-05-81-1	1151(D)-05-81-2	1151(D)-05-81-4			
	200 kgs (440 lbs)	Bánh cao su lõi gang 三星輪	1151(D)-05-03-1	1151(D)-05-03-2	1151(D)-05-03-4			
	200 kgs (440 lbs)	Bánh cao su NBR lõi gang 鐵芯NBR橡膠輪	1151(D)-05-04-1	1151(D)-05-04-2	1151(D)-05-04-4			
	200 kgs (440 lbs)	Bánh cao su không lẫn vết lõi gang 環保NBR橡膠輪	1151(D)-05-11-1	1151(D)-05-11-2	1151(D)-05-11-4			
125mm x 41mm (5" x 1-5/8")	250 kgs (550 lbs)	Bánh Nylon 尼龍輪	1151(D)-05-07-1	1151(D)-05-07-2	1151(D)-05-07-4	Ổ bi 滾珠	182mm (7-1/5")	Xoay 109mm 活動 109mm
	200 kgs (440 lbs)	Bánh CPD CPD輪	1151(D)-05-49-1	1151(D)-05-49-2	1151(D)-05-49-4			
138mm x 42mm (5-7/16" x 1-5/8")	350 kgs (770 lbs)	Bánh xe gang 銑輪	1151(D)-05-14-1	1151(D)-05-14-2	-	Ổ bi 滾珠	188mm (7-1/2")	Xoay 115mm Khóa 137mm (bàn đạp ngắn) Khóa 160mm (bàn đạp lớn) 活動 115mm 剎車 137mm (短 踏板) 剎車 160mm (超 大踏板)
150mm x 37.5mm (6" x 1-1/2")	180 kgs (396 lbs)	Bánh W Resolute W 全效輪	1151(D)-06-64-1	1151(D)-06-64-2	1151(D)-06-64-4			
	250 kgs (550 lbs)	Bánh cao su NBR lõi gang 鐵芯NBR橡膠輪	1151(D)-06-04-1	1151(D)-06-04-2	1151(D)-06-04-4			
	350 kgs (770 lbs)	Bánh Nylon 尼龍輪	1151(D)-06-07-1	1151(D)-06-07-2	1151(D)-06-07-4			
	250 kgs (550 lbs)	Bánh CPD CPD輪	1151(D)-06-49-1	1151(D)-06-49-2	1151(D)-06-49-4			
	250 kgs (550 lbs)	Bánh cao su không lẫn vết lõi gang 環保NBR橡膠輪	1151(D)-06-11-1	1151(D)-06-11-2	1151(D)-06-11-4			
	350 kgs (770 lbs)	Bánh WMRC WMRC輪	1151(D)-06-45-1	1151(D)-06-45-2	1151(D)-06-45-4			
150mm x 40mm (6" x 1-9/16")	250 kgs (550 lbs)	Bánh WCPD WCPD輪	1151(D)-06-79-1	1151(D)-06-79-2	1151(D)-06-79-4			
	350 kgs (770 lbs)	Bánh PU lõi gang 鐵芯聚氨酯	1151(D)-06-33-1	1151(D)-06-33-2	1151(D)-06-33-4			
	450 kgs (990 lbs)	Bánh QPU QPU輪	1151(D)-06-80-1	1151(D)-06-80-2	1151(D)-06-80-4			
	350 kgs (770 lbs)	Bánh EPU EPU輪	1151(D)-06-78-1	1151(D)-06-78-2	1151(D)-06-78-4			
	400 kgs (880 lbs)	Bánh EQPU EQPU輪	1151(D)-06-81-1	1151(D)-06-81-2	1151(D)-06-81-4			
	350 kgs (770 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm (cong) 鋁芯AQPUL輪(圓弧)	1151(D)-06-87-1	1151(D)-06-87-2	1151(D)-06-87-4			
150mm x 45.5mm (6" x 1-13/16")	220 kgs (485 lbs)	Bánh cao su lõi gang 三星輪	1151(D)-06-03-1	1151(D)-06-03-2	-			